

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 433/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng; Trụ sở: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật Bà Nguyễn Đức Thạch D-Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Văn Kh- Chức vụ: Giám đốc Chi Nhánh Tp. Đơn vị công tác: Ngân hàng-Chi nhánh Tp. Trụ sở: 191/4 Đường Trần Thị Tiết, Khu Phố 4, thị trấn P, Huyện Tp, Tỉnh Bến Tre

*** Bị đơn:**

- Bà Đinh Thị N, sinh năm: 1963; Nơi cư trú: ấp TM, xã Mỹ An, huyện TP, tỉnh Bến Tre

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1959; Nơi cư trú: ấp TB, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre

*** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: ấp TB, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre

- Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1978; Nơi cư trú: 673/TB ấp TB, xã TT, huyện BT, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông P, chị H và anh T: Bà Đinh Thị N, sinh năm: 1963; Nơi cư trú: ấp TM, xã Mỹ An, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng (do Ngân hàng– Chi nhánh Tp nhận thay) nợ gốc là: 2.000.000.000 đồng: lãi quá hạn: 197.745.205 đồng, lãi phạt quá hạn: 4.203.633 đồng. Tổng cộng là 2.201.948.838 đồng (Hai tỷ hai trăm lẻ một triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm ba mươi đồng), tính đến ngày 27/11/2023. Bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn P còn phải tiếp tục liên đới trả lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng số 202226876628 ngày 04/11/2022 và Giấy nhận nợ số LD2230800511 ngày 04/11/2022 từ ngày 28/11/2023 đến khi trả hết toàn nợ cho Ngân hàng.

2. Bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng (do Ngân hàng–Chi nhánh Tp nhận thay) nợ gốc là 213.614.968 đồng và lãi quá hạn là 2.438.711 đồng, tổng cộng là 216.053.679 đồng (Hai trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm bảy mươi chín ngàn), tính đến ngày 27/11/2023. Ông Nguyễn Văn P và bà Đinh Thị N tiếp tục liên đới trả lãi theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 07/07/2021, Giấy đề nghị nâng hạn mức thẻ tín dụng ngày 04/11/2021 từ ngày 28/11/2023 đến khi ông Nguyễn Văn P và bà Đinh Thị N trả hết nợ cho Ngân hàng.

3. T hợp bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản đã thế chấp như sau:

- Thửa số 65 tờ bản đồ số 13; diện tích 479,5m²; mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước còn lại; tọa lạc tại xã MA, huyện Tp, tỉnh Bến Tre. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS12137 do Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Bến Tre cấp cho chị H ngày 24 tháng 08 năm 2020.

- Thửa số 123 tờ bản đồ số 36; diện tích 475,2m²; mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp An K, xã AĐ, huyện Tp, tỉnh Bến Tre. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04025 do Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Bến Tre cấp cho bà N ngày 09 tháng 07 năm 2019.

- Thửa số 413 tờ bản đồ số 22; diện tích: 90,9m²; mục đích sử dụng: đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại ấp TM, xã MA, huyện Tp, tỉnh Bến Tre. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS11508 do Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Bến Tre cấp cho bà N ngày 09 tháng 07 năm 2019.

4. Khi bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn P trả xong số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đinh Thị N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04025 do Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Bến Tre cấp cho bà N ngày 09 tháng 07 năm 2019 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS11508 do Sở Tài nguyên và Môi T tỉnh Bến Tre cấp cho bà N ngày 09 tháng 07 năm

2019. Và trả cho chị Nguyễn Ngọc H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS12137 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho chị H ngày 24 tháng 08 năm 2020 và yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký thế chấp theo quy định.

5. Do Ngân hàng và bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định đối với diện tích 479,5m² thuộc thửa số 65 tờ bản đồ số 13; diện tích 475,2m² thuộc thửa 123 tờ bản đồ số 36; diện tích 90,9m² thuộc thửa số 413 tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại: xã Mỹ An, huyện Tp, tỉnh Bến Tre nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí:

- Bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

- Ngân hàng được Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tp hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.236.946 đồng theo biên lai thu số 0000281 ngày 13/10/2023 và 5.052.163 đồng theo biên lai thu số 0000282 ngày 13/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tp;

- Bà Đinh Thị N và ông Nguyễn Văn P tự nguyện nộp thay cho Ngân hàng là 20.090.012 đồng.

- Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Ngọc H phải liên đới nộp là 300.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tp;
- Chi Cục THADS huyện Tp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Vân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).